

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH THIẾT LẬP NGŨ CẢNH GIAO TIẾP TIẾNG TRUNG QUỐC: ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH “THẦY - MÁY - TRÒ”

Nguyễn Thùy Linh¹, Lê Thu Trang¹

Email: thuylinhTQ@hou.edu.vn, ORCID: 0009-0008-4747-3610

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/06/2026

Ngày phản biện đánh giá: 15/08/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/8/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1391

Tóm tắt: *Dạy học ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung Quốc nói riêng đang đối mặt với rào cản lớn về việc thiếu hụt môi trường giao tiếp thực tế. Nhằm giải quyết khoảng trống này, nghiên cứu đặt mục tiêu đề xuất một hướng tiếp cận mới trong việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh (AI tạo sinh) để thiết lập ngữ cảnh giao tiếp. Bằng phương pháp nghiên cứu lý thuyết, phân tích tài liệu học thuật và mô hình hóa khái niệm, bài viết vận dụng lý thuyết “Diễn đạt làm động lực” để xây dựng hệ sinh thái cộng hưởng “Thầy - Máy - Trò”. Kết quả nghiên cứu đã thiết lập được một khung thao tác hóa cụ thể qua ba giai đoạn, trong đó tài định vị giáo viên là kiến trúc sư sư phạm, GenAI là đối tác nhập vai và người học là chủ thể diễn đạt. Nghiên cứu kết luận rằng GenAI không chỉ là công cụ hỗ trợ mà đóng vai trò cấu trúc lại quá trình tương tác ngôn ngữ. Qua đó, bài viết kiến nghị cần đưa kỹ năng thiết kế câu lệnh (prompt design) vào khung năng lực nghề nghiệp bắt buộc của giáo viên, đồng thời xây dựng quy chuẩn đạo đức nhằm kiểm soát chất lượng ngữ liệu trong kỷ nguyên giáo dục số.*

Từ khóa: *diễn đạt làm động lực, giảng dạy tiếng Trung Quốc, ngữ cảnh giao tiếp thực tế, thầy - máy - trò, trí tuệ nhân tạo tạo sinh*

I. Đặt vấn đề

Thực tiễn giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Việt Nam hiện nay đang đối mặt với rào cản lớn về việc thiếu hụt môi trường giao tiếp thực tế. Giới hạn về thời lượng trên lớp và tỷ lệ giáo viên bản xứ khiến người học mặc dù nắm vững cấu trúc ngữ pháp nhưng thiếu cơ hội cọ xát để hình thành phản xạ ngôn ngữ. Để giải quyết vấn đề này, lý thuyết giảng dạy

“Diễn đạt làm động lực” do Zhong Yinghua đề xuất đã khẳng định: Nhu cầu diễn đạt trong các ngữ cảnh thực tế mới là động lực cốt lõi thúc đẩy quá trình hình thành năng lực ngôn ngữ. Tuy nhiên, một khoảng trống lớn trong thực tiễn áp dụng lý thuyết này là các lớp học truyền thống không thể cung cấp những tình huống giao tiếp cá nhân hóa, mô phỏng sinh động và phản hồi theo thời gian thực cho

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

từng sinh viên do giới hạn vật lý và nhân lực. Các công cụ công nghệ giáo dục trước đây phần lớn chỉ dừng ở mức độ cung cấp học liệu thụ động hoặc chatbot theo kịch bản tĩnh, chưa đủ khả năng tạo ra “khoảng trống diễn đạt” mang tính tương tác sâu.

Sự bứt phá của Trí tuệ nhân tạo tạo sinh (AI tạo sinh) với khả năng thấu hiểu ngữ cảnh và sáng tạo nội dung liên tục đã mang đến một hướng tiếp cận đầy tiềm năng nhằm từng bước tháo gỡ khoảng trống nghiên cứu nêu trên. Thay vì chỉ xem AI là một công cụ hỗ trợ tra cứu đơn thuần, nghiên cứu này hướng tới việc tái định vị vai trò của công nghệ này trong không gian sư phạm. Mục tiêu của nghiên cứu là đề xuất mô hình hệ sinh thái cộng hưởng “Thầy - Máy - Trò” dựa trên lý thuyết “Diễn đạt làm động lực”, nhằm tối ưu hóa quá trình thiết lập ngữ cảnh giao tiếp trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.

Điểm mới và đóng góp dự kiến của bài viết thể hiện trên hai phương diện. Về mặt lý luận, nghiên cứu vượt qua lăng kính coi AI là “công cụ” để đề xuất khái niệm AI như một “đối tác nhập vai”, bổ sung cơ sở lý luận cho sự dịch chuyển cấu trúc chủ thể trong lớp học ngoại ngữ kỹ nguyên số. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu xây dựng một khung thao tác hóa cụ thể, cung cấp chiến lược thiết kế câu lệnh (prompt) giúp giáo viên chuyển đổi trực tiếp ý đồ sư phạm thành các môi trường giao tiếp thực tế, sinh động cho người học.

Để giải quyết các mục tiêu trên, nghiên cứu tập trung làm rõ hai câu hỏi cốt lõi: (1) Trí tuệ nhân tạo tạo sinh có thể được tích hợp như thế nào vào lý thuyết “Diễn đạt làm động lực” nhằm tháo gỡ rào cản về ngữ cảnh giao tiếp thực tế trong

giảng dạy tiếng Trung Quốc? và (2) Mối quan hệ tương tác giữa giáo viên, AI tạo sinh và người học cần được tổ chức, thao tác hóa ra sao để hình thành một hệ sinh thái sư phạm an toàn, hiệu quả? Nội dung bản thảo tiếp theo sẽ lần lượt trình bày cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, đề xuất khung thao tác hóa cụ thể và thảo luận về các giới hạn chuyên môn, đạo đức khi ứng dụng mô hình này.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết “Diễn đạt làm động lực” và yêu cầu xây dựng ngữ cảnh giao tiếp chân thực

Lý thuyết “Diễn đạt làm động lực” do Zhong (2014) đề xuất nhằm khắc phục hiện tượng “học mà không dùng được” thường gặp trong dạy học ngoại ngữ. Trái với mô hình truyền thống tập trung vào tiếp nhận tri thức trước khi sử dụng, lý thuyết này xác lập con đường tiếp thu ngôn ngữ theo mô hình “Diễn đạt - Ngôn ngữ - Diễn đạt” (言语-语言-言语), khẳng định nhu cầu diễn đạt trong các tình huống thực tế chính là động lực cốt lõi thúc đẩy việc học.

Điểm then chốt của lý thuyết nằm ở việc tạo ra “khoảng trống diễn đạt”. Khi đối mặt với một nhiệm vụ giao tiếp có ý nghĩa, người học buộc phải chủ động tìm kiếm và vận dụng các nguồn lực ngôn ngữ để hoàn thành nhiệm vụ (Zhong & cộng sự, 2023). Nghiên cứu của (Yang & cộng sự, 2022; Zhong & cộng sự, 2022) cũng chỉ ra rằng, một ngữ cảnh giao tiếp càng gần với đời sống thực tế thì càng kích hoạt mạnh mẽ động cơ này. Tuy nhiên, việc hiện thực hóa lý thuyết này gặp rào cản lớn trong lớp học truyền thống, bởi giáo viên khó

có thể tự mình cá nhân hóa và duy trì liên tục các bối cảnh, nhân vật mô phỏng cho từng sinh viên trong giờ học.

2.2. Tổng quan tài liệu về vai trò của trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giảng dạy ngoại ngữ

Sự bứt phá của AI tạo sinh đã thu hút sự chú ý của nhiều học giả trong việc giải quyết rào cản về môi trường giao tiếp ngôn ngữ. Dựa vào các công trình gần đây, có thể thấy hai hướng tiếp cận chính:

Thứ nhất, nghiên cứu về hiệu quả của AI trong vai trò công cụ hỗ trợ. Trong công trình nghiên cứu “The effectiveness of AI chatbots in foreign language learning: A meta-analysis”, Du (2024) đã sử dụng phương pháp phân tích gộp để đánh giá tác động của AI chatbot. Kết quả cho thấy AI giúp cải thiện sự tự tin của người học, nhưng chủ yếu hoạt động theo kịch bản tĩnh. Tương tự, Law (2024) trong nghiên cứu tổng quan hệ thống “Application of generative artificial intelligence in language education: A systematic review and future research agenda” đã chỉ ra rằng AI tạo sinh hiện nay phần lớn được sử dụng như một cỗ máy tạo học liệu hoặc sửa lỗi ngữ pháp, thiếu đi sự tích hợp sâu vào các khung lý thuyết sư phạm. Tại Việt Nam, các nghiên cứu gần đây cũng bắt đầu quan tâm đến vấn đề này. Tiêu biểu như nghiên cứu của Nguyễn (2025) đã khẳng định tác dụng tích cực của các công cụ AI (như chatbot hỗ trợ học tập, hệ thống đánh giá tự động và nền tảng học tập thông minh) trong việc cải thiện đáng kể hiệu quả giảng dạy tiếng Trung Quốc, đặc biệt là khi tích hợp vào các mô hình dạy học kết hợp trực tuyến và trực tiếp.

Thứ hai, nghiên cứu về sự dịch chuyển vai trò của AI trong tương tác

học tập. Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng và phân tích diễn ngôn, Xiao và cộng sự (2024) trong công trình “AI chatbots in language learning: Personalized feedback, learner engagement and pedagogical implications” kết luận rằng AI có thể cung cấp phản hồi cá nhân hóa, làm tăng mức độ gắn kết của người học. Đáng chú ý, Chan (2026) với nghiên cứu “Who is doing the thinking? AI as a dynamic cognitive partner” và Wang và Zhang (2026) với “Pedagogical partnerships with generative AI in higher education” đã sử dụng phương pháp mô hình hóa khái niệm để chỉ ra sự dịch chuyển của GenAI từ một “công cụ” sang “đối tác nhận thức”.

Tuy nhiên, kết quả của các nghiên cứu này vẫn tập trung vào khía cạnh giải quyết vấn đề nhận thức hơn là kiến tạo các ngữ cảnh giao tiếp nhập vai mang tính xã hội.

Từ các kết quả nghiên cứu đó, có thể thấy các nghiên cứu đi trước đã xác nhận tiềm năng của GenAI, nhưng phần lớn vẫn định vị AI có thể giảng giải kiến thức, hoặc trợ lý học tập độc lập. Việc tích hợp GenAI một cách có hệ thống vào lý thuyết “Diễn đạt làm động lực” để AI đóng vai trò như một nhân vật trong ngữ cảnh giao tiếp vẫn là một khoảng trống lớn cần giải quyết.

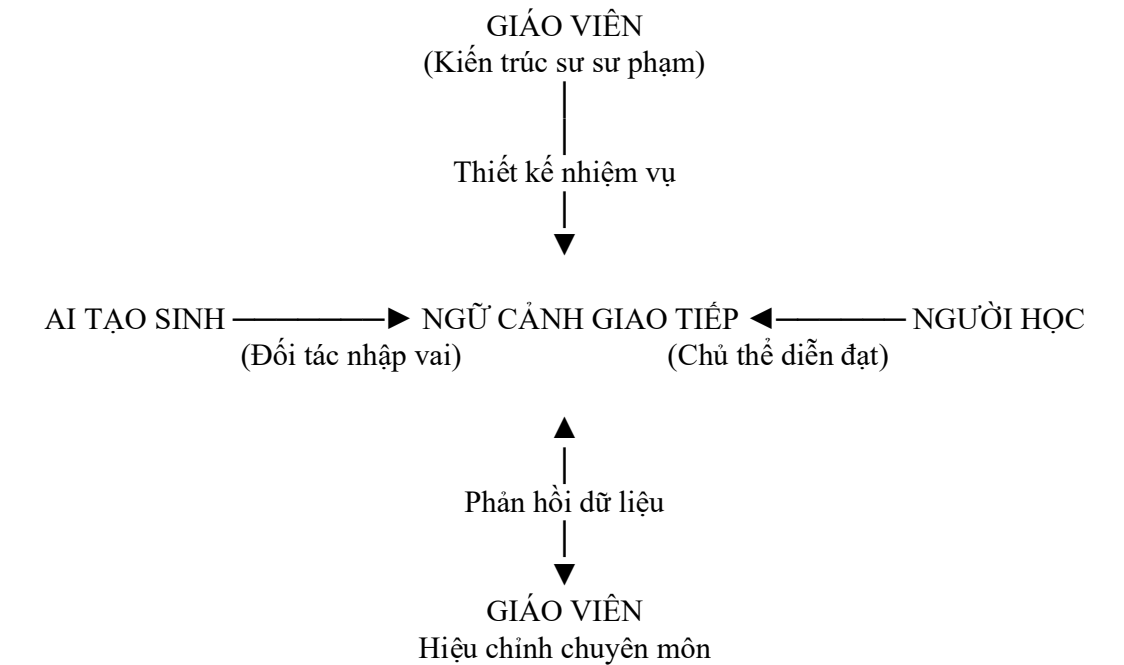
2.3. Đề xuất mô hình hệ sinh thái cộng hưởng “Thầy - Máy - Trò”

Kế thừa lý thuyết “Diễn đạt làm động lực” và lấp đầy khoảng trống từ các nghiên cứu trước, bài viết đề xuất mô hình “Thầy - Máy - Trò”. Điểm khác biệt cốt lõi của nghiên cứu này là tái định vị AI không phải là công cụ truyền đạt tri thức, mà là một “đối tác nhập vai”.

Trong mô hình này, chức năng của các chủ thể được phân định rõ: Giáo viên giữ vai trò thiết kế nhiệm vụ, định hướng mục tiêu; AI tạo sinh đảm nhiệm chức năng kiến tạo bối cảnh, đóng vai các nhân vật giao tiếp để duy trì hội thoại; và người học là chủ thể trung tâm thực hiện hành vi diễn đạt. Dưới góc độ lý thuyết vùng phát triển gần, AI tạo sinh hoạt động như một hệ thống “giàn giáo sư phạm” linh hoạt, có khả năng tự điều chỉnh độ khó dựa trên phản hồi của người học theo thời gian thực, qua đó hi vọng có thể hỗ trợ người học thu hẹp “khoảng trống diễn đạt”. Sự phối hợp chặt chẽ giữa thiết kế sư phạm

của giáo viên và năng lực tạo sinh của máy móc chính là cơ sở tiền đề để định hình khung thao tác hóa trong giảng dạy tiếng Trung Quốc ở các phần tiếp theo.

Cơ chế tương tác liên tục và phân định chức năng rõ ràng giữa ba chủ thể nêu trên được mô phỏng trực quan thông qua sơ đồ cấu trúc tại Hình 1. Bên cạnh đó, để làm nổi bật sự dịch chuyển về mặt nhận thức và điểm mới của nghiên cứu này so với các công trình đi trước, sự khác biệt cốt lõi về vai trò của AI tạo sinh (từ vị trí gia sư/trợ lý chuyển sang vị trí đối tác nhập vai) được hệ thống hóa và đối chiếu cụ thể tại Bảng 1.



Hình 1. Mô hình Thầy - Máy - Trò

Bảng 1. So sánh vai trò của trí tuệ nhân tạo trong các mô hình học tập

Mô hình AI	Chức năng chính
AI Tutor	Giải thích kiến thức, hướng dẫn học tập
Learning Assistant	Hỗ trợ tìm kiếm thông tin, tổ chức học tập
Conversational Chatbot	Trả lời câu hỏi và duy trì hội thoại
Role-playing Partner (đề xuất trong nghiên cứu)	Kiến tạo ngữ cảnh giao tiếp, mô phỏng nhân vật và duy trì nhu cầu diễn đạt của người học

Khác với các mô hình AI tập trung vào việc cung cấp tri thức, hỗ trợ học tập, hay các AI hội thoại (chatbot) truyền thống thường chỉ hoạt động thụ động theo mô thức hỏi-đáp tĩnh, AI trong nghiên cứu này được định vị là “đối tác nhập vai”. Sự khác biệt và giá trị gia tăng cốt lõi của đối tác nhập vai nằm ở tính chủ động sinh sản ngữ cảnh. Trong khi chatbot thông thường thiếu đi ý đồ sư phạm và chỉ phản hồi cơ giới nhằm sửa lỗi ngôn ngữ, GenAI trong mô hình “Thầy - Máy - Trò” được điều phối bởi hệ thống câu lệnh (prompt) của giáo viên. Nhờ đó, AI không chỉ duy trì hội thoại mà còn có khả năng tạo ra các tình huống phát sinh bất ngờ (từ chối, thay đổi điều kiện, v.v.), qua đó duy trì liên tục “khoảng trống diễn đạt” để buộc người học phải sử dụng ngôn ngữ nhằm giải quyết vấn đề thực tế chứ không chỉ luyện tập cấu trúc ngữ pháp đơn thuần.

III. Phương pháp nghiên cứu

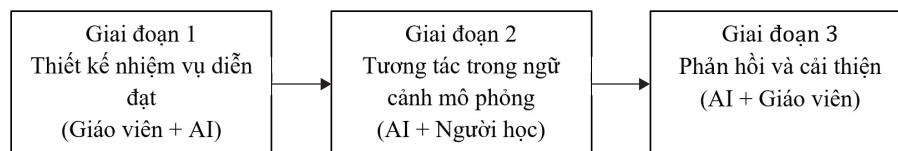
Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định tính, tập trung vào phân tích tài liệu học thuật và mô hình hóa khái niệm. Để đảm bảo tính cập nhật và độ tin cậy, dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các cơ

sở dữ liệu uy tín (CNKI, Scopus, Google Scholar) trong giai đoạn 2020-2026, với tiêu chí lựa chọn là các bài báo khoa học có phản biện đồng cấp liên quan trực tiếp đến ứng dụng AI tạo sinh trong giáo dục ngoại ngữ và lý thuyết “Diễn đạt làm động lực”. Từ các nguồn tài liệu bản lẻ này, nghiên cứu tiến hành phân tích nội dung để bóc tách những hạn chế của lớp học truyền thống, đồng thời vận dụng phương pháp mô hình hóa khái niệm nhằm dịch chuyển các nguyên tắc lý thuyết trừu tượng thành một cấu trúc tương tác cụ thể. Quá trình này là tiền đề then chốt giúp thiết lập khung thao tác hóa cho hệ sinh thái cộng hưởng “Thầy - Máy - Trò”

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Khung thao tác hóa ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh: Kịch bản gọi món tại nhà hàng

Dựa trên lý thuyết “Diễn đạt làm động lực” và mô hình “Thầy - Máy - Trò”, bài viết đề xuất khung thao tác hóa gồm ba giai đoạn (trực quan hóa tại Hình 2). Trong đó, giáo viên giữ vai trò kiến trúc sư sư phạm, AI tạo sinh là đối tác nhập vai, còn người học là chủ thể diễn đạt.



Hình 2. Khung thao tác hóa ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh

Để minh họa trực quan quy trình chuyển hóa ý đồ sư phạm thành ngữ cảnh giao tiếp cụ thể qua ba giai đoạn này, bài viết sử dụng tình huống “Gọi món tại nhà hàng Trung Quốc” với hệ thống câu lệnh (prompt) sau:

- Giai đoạn 1 - Thiết kế nhiệm vụ diễn đạt: Giáo viên thiết lập bối cảnh, vai

trò và giới hạn trình độ người học. Prompt: “Bạn là nhân viên phục vụ tại nhà hàng Trung Quốc. Hãy tạo một thực đơn gồm 10 món ăn phổ biến kèm giá tiền, mô tả ngắn bằng tiếng Trung. Đối tượng là sinh viên trình độ HSK3.”

- Giai đoạn 2 - Tương tác trong ngữ cảnh mô phỏng: AI đóng vai nhân vật

thực tế, đồng thời tạo ra các tình huống phát sinh để duy trì “khoảng trống diễn đạt”. Prompt 1: “Bạn sẽ đóng vai nhân viên phục vụ, tôi là khách hàng. Hãy giao tiếp hoàn toàn bằng tiếng Trung, chủ động giới thiệu món ăn và phản hồi như tình huống thực tế.” Prompt 2: “Trong quá trình hội thoại, hãy tạo thêm các tình huống phát sinh như món ăn đã hết, khách muốn đổi món hoặc tách hóa đơn để người học phải tiếp tục thương lượng.”

- Giai đoạn 3 - Phản hồi và cải thiện: AI tổng hợp hội thoại và hỗ trợ đánh giá. Prompt: “Dựa trên đoạn hội thoại vừa diễn ra, hãy chỉ ra các lỗi từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng của người học và đề xuất ba hoạt động luyện tập cải thiện.”

Qua kịch bản trên, có thể thấy prompt chính là công cụ kết nối sư phạm. Do đó, năng lực thiết kế prompt nhằm kiểm soát chất lượng ngữ cảnh cần được xem là một kỹ năng cốt lõi mới của giáo viên ngoại ngữ trong kỷ nguyên số.

4.2. Thảo luận

- Đối chiếu kết quả với các nghiên cứu trước đây: So với các công trình đi trước, mô hình “Thầy - Máy - Trò” thể hiện sự khác biệt mang tính đột phá khi dịch chuyển AI tạo sinh từ vai trò “gia sư thông minh” sang “đối tác nhập vai”. Nếu như các nghiên cứu trước đây về chatbot hoặc AI hội thoại (Du, 2024; Law, 2024) chủ yếu định vị công nghệ này như một cỗ máy cung cấp học liệu và sửa lỗi ngữ pháp hoạt động theo kịch bản tĩnh, thì mô hình đề xuất đã tái cấu trúc bản chất tương tác trong lớp học ngoại ngữ. Dưới sự điều phối của giáo viên, AI tạo sinh chủ động kiến tạo các “khoảng trống diễn đạt” liên tục, buộc người học vận dụng ngôn ngữ để giải quyết vấn đề thực tế, biến tương tác

người - máy thành một trải nghiệm giao tiếp xã hội trọn vẹn và cá nhân hóa.

- Ý nghĩa thực tiễn và yêu cầu về đạo đức sư phạm: Ý nghĩa thực tiễn nổi bật của khung thao tác hóa này là tái khẳng định AI không thay thế vai trò chuyên môn của giáo viên, mà đòi hỏi người thầy phải nâng cao năng lực thiết kế sư phạm, đặc biệt là năng lực thiết kế câu lệnh (prompt design). Nhận định này hoàn toàn tương đồng với Võ (2025) khi nhấn mạnh giảng viên cần chủ động khai thác AI để duy trì động lực học tập. Tuy nhiên, theo góc nhìn thận trọng của một nghiên cứu lý thuyết, việc ứng dụng AI tạo sinh đặt ra những thách thức lớn về rủi ro công nghệ. Giáo viên phải đóng vai trò “người gác cổng”, kiểm duyệt chặt chẽ độ tin cậy của nội dung do AI tạo ra và bảo đảm tính xác thực về văn hóa - ngữ dụng của ngôn ngữ đích. Đồng thời, thiết kế sư phạm phải cân bằng để ngăn ngừa nguy cơ người học phụ thuộc quá mức vào công nghệ, làm thui chột tư duy ngôn ngữ độc lập.

- Hạn chế của nghiên cứu và hướng phát triển tiếp theo: Dù mang lại những định hướng lý luận nhất định, nghiên cứu này mới dừng lại ở việc thiết lập khung thao tác hóa lý thuyết. Các nhận định về hiệu quả của AI hiện chủ yếu mang tính dự báo do chưa có dữ liệu thực nghiệm để kiểm chứng định lượng. Bên cạnh đó, mô hình hiện tại mới chỉ được bàn luận và tối ưu hóa cho đối tượng người học ở trình độ sơ - trung cấp. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo cần tiến hành thực nghiệm sư phạm tại các lớp học thực tế để đo lường chính xác sự thay đổi trong phản xạ giao tiếp của sinh viên. Đồng thời, cần mở rộng phạm vi áp dụng, đánh giá khả năng triển khai

mô hình đối với các trình độ đào tạo khác nhau và các học phần chuyên sâu (như tiếng Trung thương mại, du lịch). Việc phát triển các bộ tiêu chí đánh giá chất lượng câu lệnh (prompt) chuẩn hóa dành riêng cho giáo viên cũng là một hướng đi tiềm năng nhằm hoàn thiện hệ sinh thái giảng dạy trong kỷ nguyên số.

V. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm giải quyết vấn đề thiếu hụt môi trường giao tiếp thực tế trong giảng dạy tiếng Trung Quốc thông qua việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh. Dựa trên nền tảng của lý thuyết giảng dạy “Diễn đạt làm động lực”, bài viết đã đề xuất thành công mô hình hệ sinh thái cộng hưởng “Thầy - Máy - Trò”. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, khi được định vị là một “đối tác nhập vai” thay vì công cụ tra cứu đơn thuần, GenAI có khả năng hỗ trợ đắc lực trong việc kiến tạo các ngữ cảnh giao tiếp mô phỏng sinh động, linh hoạt. Bên cạnh đó, nghiên cứu đã thiết lập được một khung thao tác hóa hoàn chỉnh qua ba giai đoạn: thiết kế nhiệm vụ, tương tác nhập vai và phản hồi tối ưu hóa. Kịch bản minh họa thông qua hệ thống câu lệnh cho thấy giáo viên hoàn toàn có thể chuyển hóa ý đồ sư phạm thành các tình huống giao tiếp chân thực, qua đó có thể góp phần kích hoạt nhu cầu và động cơ diễn đạt của người học.

5.2. Kiến nghị

Từ các kết quả nghiên cứu nêu trên, để mô hình “Thầy - Máy - Trò” được ứng dụng hiệu quả và an toàn trong thực tiễn, bài viết đề xuất một số kiến nghị cụ thể đối với các bên liên quan như sau:

Đối với giảng viên ngoại ngữ: Cần chủ động chuyển đổi vai trò từ người truyền đạt tri thức sang “kiến trúc sư sư phạm”. Giảng viên cần trang bị và không ngừng nâng cao năng lực thiết kế câu lệnh để có thể thiết lập, kiểm soát độ khó và điều hướng các ngữ cảnh do AI tạo sinh kiến tạo. Đồng thời, giảng viên phải luôn giữ vai trò đánh giá và hiệu chỉnh các sai lệch về mặt văn hóa, ngữ dụng mà thuật toán AI có thể mắc phải.

Tài liệu tham khảo

- Chan, C. K. Y. (2026). Who is doing the thinking? AI as a dynamic cognitive partner: A learner-informed framework. *arXiv*. <https://arxiv.org/pdf/2602.15638v1>
- Du, H. (2024). The effectiveness of AI chatbots in foreign language learning: A meta-analysis. *Computers and Education: Artificial Intelligence*, 7, 100325.
- Law, L. (2024). Application of generative artificial intelligence (GenAI) in language teaching and learning: A scoping literature review. *Computers and Education: Artificial Intelligence*, 6, 100197. <https://doi.org/10.1016/j.caeo.2024.100174>
- Nguyễn, T. V. B. (2025). Tác dụng của AI trong giảng dạy tiếng Trung Quốc theo mô hình dạy học kết hợp trực tuyến và trực tiếp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, Số đặc biệt 7A, 587-595. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.814>
- Võ, L. H. P. (2025). Vai trò của trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy bằng tiếng Anh: Nhận thức của sinh viên và ý nghĩa sư phạm cho giảng viên. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, Số đặc biệt 7A, 207-218. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.778>

- Wang, S., & Zhang, H. (2026). Pedagogical partnerships with generative AI in higher education: How dual cognitive pathways paradoxically enable transformative learning. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 23(11), 1-23. <https://doi.org/10.1186/s41239-026-00585-x>
- Xiao, Y., Huang, J., & Li, Z. (2024). AI chatbots in language learning: Personalized feedback, learner engagement and pedagogical implications. *Education and Information Technologies*, 29(10), 12875-12898.
- Yang, W., Shi, G. F., & Zhong, Y. H. (2022). “表达驱动”教学理论与戏剧形式国际中文教学实践. *国际中文教育研究*, 5, 45-53.
- Zhong, Y. H. (2014). 掌握第二语言的路径: “言语-语言-言语”. *世界汉语教学*, 28(4), 537-546.
- Zhong, Y. H., Li, Z., & Ding, L. S. (2022). “表达驱动”教学理论与国际中文教学资源建设. *国际中文教育研究*, 4, 12-20.
- Zhong, Y. H., Yu, H. S., & Yang, W. (2023). 国际中文教育“表达驱动”教学理论与实践. *世界汉语教学*, 37(3), 388-398.

APPLICATION OF GENERATIVE ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN ESTABLISHING CHINESE COMMUNICATION CONTEXTS: PROPOSING THE “TEACHER-MACHINE-STUDENT” MODEL

Nguyen Thuy Linh¹, Le Thu Trang¹

Abstract: *Foreign language teaching in general, and Chinese language teaching in particular, is facing a major barrier regarding the lack of realistic communication environments. To address this gap, this study aims to propose a new approach in applying generative artificial intelligence (GenAI) to establish communication contexts. By employing theoretical research, academic literature analysis, and conceptual modeling, the paper applies the “Expression-Driven” theory to build a resonant “Teacher-Machine-Student” ecosystem. The research results establish a specific three-stage operational framework, repositioning the teacher as a pedagogical architect, GenAI as a role-playing partner, and the learner as an expressing subject. The study concludes that GenAI is not merely a support tool but plays a role in restructuring the language interaction process. Thereby, the paper recommends including prompt design skills in the mandatory professional competency framework for teachers, while simultaneously establishing ethical standards to control corpus quality in the digital education era.*

Keywords: *Chinese language teaching, expression-driven, generative artificial intelligence, real-world communication context, teacher-machine-student*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam